

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 9 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lưu Minh Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.
2. Ông Trần Ngọc Chiến.

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân A.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân A tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn T T - sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 3, khu C, phường T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Phạm N V - sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 3, khu N, phường Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt - không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn T T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm N V kết hôn ngày 03/8/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà riêng tại tổ 3, khu N, phường Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị và anh V chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V nợ nần nhưng vì mới cưới không muốn khó xử với hai bên gia đình nên chị và anh V tiếp tục chung sống. Sau đó khoảng 02 năm anh V vẫn nhiều lần đi chơi đêm, rượu chè qua đêm và xảy ra nhiều tranh cãi và đánh nhau có lần chị phải vào viện. Chị và anh V đã nhiều lần khắc phục mâu thuẫn, chị nhiều lần phân tích cho anh, khuyên giải anh V nhưng anh vẫn nợ nần nhiều, vợ chồng xảy ra tranh cãi không có tiếng nói chung đỉnh điểm mâu thuẫn là năm 2022 và chị đã sống ly thân 02 năm sau đó chị cũng đã hàn gắn quay về sống cùng nhau một thời gian

nhưng đến nay tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn không cải thiện được. Nay chị không còn tình cảm với anh V, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh V.

Về con chung: chị và anh V có 01 con chung là Phạm T B, sinh ngày 10/3/2022. Hiện nay con B đang sinh sống với chị, nên khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con B cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Phạm N V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần giao giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh Phạm N V cũng được giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt tại Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2025 có sự tham gia của đại diện khu phố NB, phường Q, tỉnh NQ có nội dung: anh V và chị T có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương, qua năm bắt dư luận nhân dân khu phố N được biết thời gian gần đây chị T và anh V có xảy ra bất đồng, do anh V không tu chí làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ con. Chị T và anh V có 01 con chung, sinh năm 2022; hiện nay chị T đã đưa con đi nơi khác sinh sống, không tiếp tục chung sống cùng anh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án xử theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn của chị Nguyễn T T, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm N V cư trú tại phường Q, tỉnh NQ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân A theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm N V theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh V không đến Tòa án để thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy anh V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn T T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm N V đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn T T và anh Phạm N V đăng ký kết hôn ngày 03/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh NQ trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T và anh V chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V chơi bời, không lo toan kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ và con nhỏ. Mâu thuẫn giữa chị T và anh V kéo dài nhiều năm, đến nay chị T và anh V đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ về tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo hòa giải, nhưng anh V đều không có mặt để trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, thể hiện anh V không mong muốn tìm giải pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung; chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị nội dung vẫn cương quyết xin ly hôn anh V. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đến nay không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn T T.

Về con chung: chị T và anh V có 01 con chung là Phạm T B, sinh ngày 10/3/2022, con Phạm T B hiện tại đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con B, trong khi đó anh V không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T, thể hiện anh V thiếu sự quan tâm, chăm sóc con. Xét điều kiện nuôi con cũng như ý kiến của chị T, Hội đồng xét xử thấy cần giao con Phạm T B cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con B thành niên (đủ 18 tuổi) và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung là đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, vay nợ chung: chị Nguyễn T T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu nhận xét việc chấp hành Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, của các đương sự và đề nghị nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] *Về án phí:* chị Nguyễn T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn T T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn T T được ly hôn anh Phạm N V.

Về con chung: giao cho chị Nguyễn T T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm T B sinh ngày 10/3/2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh Phạm N V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm N V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Phạm T B mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn T T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phạm N V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: chị Nguyễn T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000973 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự C, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu A); chị Tuyết đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực A;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Q
tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA - VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hiền

Trần Ngọc Chiến

Lưu Minh Đoàn

